|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN BÌNH TÂN**  **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  **BÌNH TÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Bình Tân, ngày 10 tháng 12 năm 2022* |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**NĂM HỌC: 2022 - 2023**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì I, khi kết thúc nội dung vi khuẩn.*

**- Thời gian làm bài:**60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 1% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi (ở mức độ nhận biết: 2 câu, thông hiểu 8câu*,* vận dụng: 8 câu; Vận dụng cao: 2 câu*)*

- Phần tự luận: 5,0 điểm(Nhận biết: 3,5 điểm, Thông hiểu:1 điểm; Vận dụng cao: 0,5 điểm*)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Số ý tự luận** | **Số câu trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| Mở đầu *(7 tiết)* |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  | 1.0 |
| Chủ đề 1: Các phép đo *(10 tiết)* |  |  |  | **3**  **(0,75)** |  |  |  |  |  | 3 | 0.75 |
| Chủ đề 2: Các thể của chất *(4 tiết)* |  |  |  | **1**  **(0,25)** |  | **2**  **(0, 5)** |  |  |  | 3 | 0,75 |
| Chủ đề 3: Oxygen và không khí  *(3 tiết)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực- thực phẩm thông dụng, tính chất và ứng dụng của chúng  *(8 tiết)* |  |  |  | **3**  **(****0,75)** |  |  |  | **1**  **(0,25)** |  | 4 | 1,0 |
| Chủ đề 5: Chất tinh khiết - Hỗn hợp - Phương pháp tách các chất (6 tiết) |  |  |  |  |  | **2**  **(0,5)** |  | **1**  **(0,25)** |  | 3 | 0,75 |
| Chủ đề 6: Tế bào - Đơn vị cơ sở của sự sống (8 tiết) |  | **1**  **(0,25)** |  | **1**  **(0,25)** |  | **2**  **(0,5)** |  |  |  | 4 | 1,0 |
| Chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể  (7 tiết) |  |  |  |  |  | **2**  **(0,5)** |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (38 tiết) |  | **1**  **(0,25)** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0,25 |
| **Số ý TL/**  **Số câu TN** | ***6*** | **2** | **2** | **8** | **2** | **8** | **1** | **2** | 9 | 20 |  |
| **Điểm số** | **3,5** | **0,5** | **1** | **2** | **2** | **2** | **0,5** | **0,5** | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (câu số) |
| ***Mở đầu*** | | | | **2** |  | **2** |  |
| Mở đầu | * Giới thiệu chung về khoa học tự nhiên * Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên.   Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo  - Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên.  - Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống.  - Phân biệt các lĩnh vực khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.  - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).  - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.  - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.  - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  | C4 |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| Các phép đo | | | |  | **3** |  |  |
|  | * Đo chiều dài * Đo khối lượng * Đo thời gian   - Thang nhiệt độ Celsius – Đo nhiệt độ. | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.  - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của vật trong một số trường hợp đơn giản.  - Các thao tác đúng khi đo chiều dài.  - Đo được chiều dài của vật bằng thước.  - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.  - Đo thời gian của một hoạt động bằng đồng hồ.  - Tìm hiểu nhiệt độ và nhiệt kế.  - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.  - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Tìm hiểu về đơn vị đo khối lượng, dụng cụ đo.  - Dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  - Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).  - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.  - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.  - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  | **C20**  **C1**  **C3** |
| Các thể của chất | | | |  | **3** |  |  |
|  | * Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất | **Nhận biết** | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).  - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.  - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).  - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  | **C8** |
|  |  | **Vận dụng** | * Dựa vào kiến thức đã học, xác định các hiện tượng biến đổi của chất trong tự nhiên và thực tế đời sống. |  |  |  | **C4**  **C5** |
| Oxygen và không khí | | | |  |  |  |  |
|  | - Oxygen  Không khí và bảo vệ môi trường không khí | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).  - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit).  - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.  - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: Các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| Một số vật liệu – nhiên liệu – nguyên liệu – lương thực thực phẩm và tính chất của chúng | | | |  | **4** |  |  |
|  | - Một số vật liệu thông dụng  - Nhiên liệu và an ninh năng lượng  - Một số nguyên liệu  - Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:  + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);  - Nêu được cách sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.  - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thường dùng trong đời sống hằng ngày.  - Tìm hiểu tính chất của một số nhiên liệu.  - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.  - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thường dùng trong sản xuất và trong công nghiệp ( quặng, đá vôi,...)  - Tìm hiểu tính chất của một số nguyên liệu  - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.   * Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực thường dùng trong đời sống hằng ngày. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | **-** Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu, thông dụng.  - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu  - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu.  - Tìm hiểu tính chất của một số lương thực. |  |  |  | **C6**  **C7**  **C9** |
|  |  | **Vận dụng cao** | * Đề xuất các biện pháp sử dụng vật liệu – nhiên liệu – nguyên liệu an toàn, đảm bảo sự phát triển bền vững. |  |  |  | **C10** |
| Chất tinh khiết – Hỗn hợp – Phương pháp tách các chất ra khỏi hỗn hợp | | | |  | **3** |  |  |
|  | * Chất tinh khiết – hỗn hợp.   - Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp. | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết.  Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.  – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.  – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.  – Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.  – Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch.  – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết (Nêu được cách sử dụng một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết).  – Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.  – Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn. |  |  |  | **C11**  **C12** |
| **Vận dụng cao** | Đề xuất được các phương pháp tách chất phù hợp trong thực tiễn. |  |  | C1 | **C17** |
| Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống. | | | |  | **4** |  |  |
|  | - Tế bào.  - Thực hành quan sát tế bào thực vật | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.  – Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  – Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.  – Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  – Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.  – Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. |  |  | C2 | **C18** |
| **Thông hiểu** | – Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học (Mô tả được hình ảnh tế bào lớn và tế bào nhỏ thông qua quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và quan sát hình ảnh chụp tế bào nhỏ qua kính lúp, kính kiển vi quang học). |  |  |  | **C2** |
|  |  | **Vận dụng** | – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). |  |  |  | **C13**  **C14** |
| Từ tế bào đến cơ thể | | | |  | **2** |  |  |
|  | * Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào. * Các cấp độ tổ chức của cơ thể đa bào.   - Thực hành quan sát sinh vật. | **Nhận biết** | – Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ.  – Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
|  |  | **Vận dụng** | **-** Phân biệt được cơ thể đa bào, cơ thể đơn bào.  - Giải thích mối quan hệ giữa các cấp độ tổ chức cơ thể đa bào. |  |  |  | **C16**  **C15** |
| Đa dạng thế giới sống. | | | |  | **1** |  |  |
|  |  | **Nhận biết** | – Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.  – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới.  – Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.  – Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học  – Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein).  – Phân biệt được virus (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).  – Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.  – Nêu được một số bệnh do virus gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus gây ra.  – Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và trong thực tiễn. |  |  | C3 | **C19** |
| **Thông hiểu** | – Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.  – Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. |  |  |  |  |
|  |  | **Vận dụng cao** | – Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu; biết cách làm sữa chua, ...). |  |  |  |  |

UBND QUẬN BÌNH TÂN **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**TRƯỜNG THCS BÌNH TÂN Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**Năm học: 2022 – 2023**

Ngày kiểm tra: ...../12/2022

Thời gian làm bài: 60 phút (*không kể thời gian phát đề*)

**Câu 1:**Đồng hồ dưới đây chỉ:



**A.**10 giờ 2 phút. **B.**10 giờ 10 phút. **C.**2 giờ 10 phút. **D.**2 giờ 7 phút.

**Câu 2: Khi quan sát tế bào thực vật, ta cần lựa chọn dụng cụ nào sau đây?**

A. Kính hiển viB. Kính lúp.C. Kính mát.D. Kính cận.

**Câu 3: Trước khi đo thời gian của một hoạt động, cần phải ước lượng thời gian cần đo để làm gì?**

A. Đọc kết quả đo chính xác. B. Đo thời gian chính xác.

C. Chọn dụng cụ đo thích hợp.D. Đặt mắt đọc đúng cách.

**Câu 4: Cho vào ngăn đông của tủ lạnh một cốc chứa nước và để yên trong 2 giờ thì cốc nước hóa đá. Quá trình chuyển thể này gọi là gì?**

A. Quá trình nóng chảy B. Quá trình bay hơi.

C. Quá trình ngưng tụ. D. Quá trình đông đặc.

**Câu 5:** **Hiện tượng một bể chứa nước bị cạn bớt đi sau một thời gian không sử dụng đến, là do hiện tượng nước bị:**

A. Bay hơi. **B**. Ngưng tụ. **C.** Đông đặc **D.** Nóng chảy.

**Câu 6: Tính chất nào sau đây là tính chất của vật liệu bằng cao su?**

A. Dẫn điện. B. Có tính đàn hồi. C. Dễ bị ăn mòn D. Dẫn nhiệt.

**Câu 7: Lipid có nhiều trong loại thực phẩm nào sau đây?**

A. Khoai lang. B. Thịt lợn. C. Cà rốt. D. Bắp cải

**Câu 8: Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lý?**

A. Sắt (Iron) bị nam châm hút.B. Đốt rác sinh ra khói bụi ô nhiễm.

C. Thức ăn để lâu ngày bị ôi thiu. D. Sắt thép để lâu ngày bị gỉ sét.

**Câu 9:** **Thực phẩm nào sau đây giàu vitamin và khoáng chất?**

A. Trái cây tươi **B.** Bánh mì kẹp **C.** Soda **D.** Thịt hộp

**Câu 10: Hiện nay, một trong những biện pháp để sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững là?**

A. Sử dụng các loại túi ni – lông khi đi mua sắm.

B. Sử dụng các loại gạch nung để xây dựng các công trình.

C. Sử dụng các loại vật dụng được làm từ những vật liệu có thể tái sử dụng.

D. Sử dụng các loại hộp nhựa để đựng thức ăn.

**Câu 11: Dung dịch là gì?**

A. Hỗn hợp gồm dung môi và chất tan.

B. Hỗn hợp không đồng nhất gồm dung môi và chất tan.

C. Hợp chất gồm dung môi và chất tan.

D. Hỗn hợp đồng nhất gồm dung môi và chất tan.

**Câu 12: Phát biểu nào đây là đúng?**

A. Dung dịch là hợp chất đồng nhất của nước và chất tan.

B. Xăng là dung môi của muối.

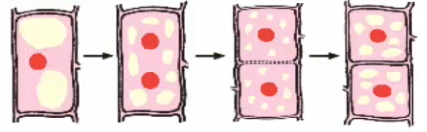
C. Nước là dung môi của dầu ăn.

D. Cát không tan trong nước thì nước không phải là dung môi của cát.

**Câu 13: Từ một tế bào ban đầu sau quá trình phân chia tế bào sẽ tạo thành 2 tế bào con. Vậy nếu có 8 tế bào đều phân chia thì sẽ có bao nhiêu tế bào con được tạo ra?**

A. 10 B. 12 C. 14 D. 16

**Câu 14: Hình vẽ bên thể hiện quá trình nào của tế bào:**



**A.**Quá trình phân chia của tế bào**B.**Quá trình lớn lên của tế bào

**C.**Quá trình tự chết của tế bào**D.**Quá trình quang hợp của tế bào.

**Câu 15:** **Khi sắp xếp các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, trật tự nào dưới đây là đúng?**

A. Tế bào → cơ quan → mô → hệ cơ quan → cơ thể

B. Tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể

C. Cơ thể → hệ cơ quan → mô → tế bào → cơ quan

D. Hệ cơ quan → cơ quan → cơ thể → mô → tế bào

**Câu 16:** Cơ thể nào dưới đây không phải là cơ thể đơn bào?

A. Trùng giày B. Con dơi C. Vi khuẩn lam D. Trùng roi

**Câu 17:** **Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?**

**A.** Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.

**B.** Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.

**C**. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào

D. Tách bụi ra khỏi không khí hít vào.

**Câu 18:** **Đơn vị cấu tạo cơ bản của mọi cơ thể sống là?**

A. Mô B. Tế bào C. Cơ quan D. Hệ cơ quan

**Câu 19:** **Loài nào dưới đây không thuộc giới Thực vật?**

A. Tảo lụcB. Dương xỉC. Lúa nướcD. Rêu tường

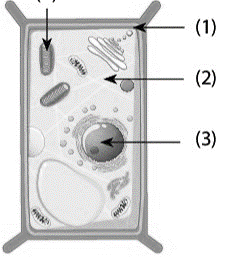
**Câu 20: Trong các đơn vị sau, đơn vị nào không dùng để đo độ dài?**

A. Hải lý B. Mét (m) C. Kilogam (kg)D. Kilo mét (km)

**TỰ LUẬN:**

**Câu 1 (0,5 điểm):** Cà phê là một loại đồ uống được nhiều người dân Việt Nam yêu thích. Trong thực tế khi pha cà phê phin, người ta đang sử dụng phương pháp nào?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 2 (1,5 điểm):** Quan sát hình và trả lời hệ thống câu hỏi sau:

a. Chú thích cấu tạo các thành phần của tế bào?

b. Cho biết đây là tế bào nhân thực hay tế bào nhân sơ? Giải thích?

**Câu 3 (2 điểm)**

**Bệnh truyền nhiễm** (hay còn gọi là bệnh lây) là dạng bệnh rất phổ biến. Nguyên nhân gây ra bệnh truyền nhiễm là do vi sinh vật (như vi khuẩn, virus, nấm hay ký sinh trùng) gây ra. Top những bệnh truyền nhiễm thường gặp và nguy hiểm nhất với trẻ nhỏ hiện nay bao gồm bệnh cúm do virus cúm, bệnh sốt xuất huyết do virus Dengue, bệnh sởi và Rubella, bệnh tay chân miệng do virus Coxsackie A16 và một số virus khác, bệnh bạch hầu,… và gần đây nhất là viêm đường hô hấp cấp do virus corona.

Virus là dạng sống đơn giản, chưa có cấu tạo tế bào, có kích thước siêu hiển vi, sống kí sinh nội bào bắt buộc trong tế bào vật chủ. Hầu hết các loài virus xâm nhập vào cơ thể qua các “kẽ hở” trên cơ thể chúng ta như mũi, miệng, tai, hậu môn và đường sinh dục. Chúng cũng có thể được truyền qua da của chúng ta thông qua côn trùng hoặc động vật cắn hoặc qua việc tiêm truyền. Cách tốt nhất để ngăn ngừa bệnh truyền nhiễm là đeo khẩu trang nơi công cộng, trên phương tiện giao thông công cộng, tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý, xây dựng lối sống lành mạnh, vệ sinh thông thoáng nhà cửa, thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn,….

**Bằng kiến thức thông tin kết hợp kiến thức đã học, trả lời hệ thống câu hỏi sau:**

a. Em hãy kể tên một số bệnh nguy hiểm do virus gây ra?

b. Em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh cúm do virus cúm gây ra ở người?

**Câu 4** **(1 điểm):**

**ĐÁP ÁN**

**TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **B** | **A** | **C** | **D** | **A** | **B** | **B** | **A** | **A** | **C** | **D** | **D** | **D** | **A** | **B** | **B** | **D** | **B** | **A** | **C** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  **(0,5 điểm)** | Phương pháp lọc | 0,5 đ |
| **Câu 2**  **(1,5 điểm)** | a. Chú thích cấu tạo tế bào:  (1) Màng tế bào  (2) Chất tế bào  (3) Nhân tế bào .  b. Đây là tế bào nhân thực  vì có lớp màng nhân bao bọc nhân con bên trong. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,5đ  0,25đ |
| **Câu 3**  **(2,0 điểm)** | a. Bệnh cúm, bệnh sốt xuất huyết, bệnh sởi và Rubella, bệnh chân tay miệng, bệnh bạch hầu,… và gần đây nhất là viêm đường hô hấp cấp do virus corona (bệnh Covid – 19).  b. Một số biện pháp phòng chống bệnh cúm do virus cúm gây ra ở người:  - Đeo khẩu trang nơi công cộng, trên phương tiện giao thông công cộng  - Tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng.  - Tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý xây dựng lối sống lành mạnh.  - Vệ sinh thông thoáng nhà cửa, lau rửa các bề mặt hay tiếp xúc  - Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn | 1,0đ  1,0đ |
| **Câu 4**  **(1,0 điểm)** |  | 0,5đ  0,5đ |